

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THÉ VÀ  
VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
đã được kiểm toán**

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05 - 24
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HDQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Tôn Long Ngà	Chủ tịch	
Ông Trương Thanh Hà	Ủy viên	
Bà Trương Thị Hương Lan	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/10/2010
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/10/2010
Ông Đoàn Thế Dũng	Ủy viên	
Ông Trần Ngọc Minh	Ủy viên	

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Tôn Long Ngà	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2010
Ông Đoàn Thế Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Ông Bùi Ngọc Thành	Giám đốc chuyên môn	Bổ nhiệm ngày 01/01/2010
Ông Hoàng Văn Chính	Giám đốc chuyên môn	
Ông Đồng Văn Thìn	Giám đốc chuyên môn	

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Phạm Hà Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11/10/2010
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/10/2010
Bà Trần Thị Thược	Thành viên	
Bà Lê Văn Anh	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Đoàn Thế Dũng**

Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Hoàng Thúy Nga**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2011*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>57,029,216,138</b>	<b>38,111,345,507</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>16,923,208,742</b>	<b>5,565,807,904</b>
111	1. Tiền		5,923,208,742	5,565,807,904
112	2. Các khoản tương đương tiền		11,000,000,000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>11,824,224,381</b>	<b>11,364,312,626</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		14,104,001,370	12,752,303,468
132	2. Trả trước cho người bán		36,774,240	32,158,540
135	3. Các khoản phải thu khác	4	94,599,659	26,074,800
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2,411,150,888)	(1,446,224,182)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>27,065,578,268</b>	<b>19,550,902,513</b>
141	1. Hàng tồn kho	5	27,065,578,268	19,550,902,513
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,216,204,747</b>	<b>1,630,322,464</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		160,335,000	246,941,240
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6,233,453	994,138,724
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	1,049,636,294	389,242,500
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>21,460,599,516</b>	<b>20,415,413,566</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>21,095,690,744</b>	<b>19,961,833,161</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	17,134,378,244	19,961,833,161
222	- Nguyên giá		32,963,008,157	33,736,945,322
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15,828,629,913)	(13,775,112,161)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	- Nguyên giá		16,274,000	16,274,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(16,274,000)	(16,274,000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	3,961,312,500	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>364,908,772</b>	<b>453,580,405</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	364,908,772	453,580,405
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>78,489,815,654</b>	<b>58,526,759,073</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>31,816,946,178</b>	<b>19,784,151,858</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>31,724,187,387</b>	<b>19,777,765,864</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	5,707,000,005	7,426,252,005
312	2. Phải trả người bán		18,726,055,034	4,596,803,004
313	3. Người mua trả tiền trước		4,314,654,137	1,478,165,520
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	522,607,285	543,772,543
315	5. Phải trả người lao động		1,807,623,609	3,007,618,290
316	6. Chi phí phải trả	13	150,542,040	165,870,000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	277,739,520	2,400,000,000
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		217,965,757	159,284,502
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>92,758,791</b>	<b>6,385,994</b>
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		46,778,222	6,385,994
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		45,980,569	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>46,672,869,476</b>	<b>38,742,607,215</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>45,960,800,476</b>	<b>38,742,607,215</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35,000,000,000	30,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4,197,775,000	3,267,775,000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(73,445,305)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		3,583,775,960	2,583,775,960
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3,252,694,821	2,891,056,255
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>712,069,000</b>	<b>-</b>
432	1. Nguồn kinh phí	16	712,069,000	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>78,489,815,654</b>	<b>58,526,759,073</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
2. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		2,490,000,000	-

Nguyễn Thị Lý  
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng  
Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	89,988,165,235	78,731,871,143
	- Doanh thu bán ngoài		89,988,165,235	78,731,871,143
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		89,988,165,235	78,731,871,143
11	4. Giá vốn hàng bán	18	82,130,694,443	68,444,512,470
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7,857,470,792	10,287,358,673
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	365,064,923	98,509,010
22	7. Chi phí tài chính	20	581,840,584	791,201,748
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>581,840,584</i>	<i>767,092,598</i>
24	8. Chi phí bán hàng	21	216,973,908	446,993,696
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	3,977,117,439	3,494,780,454
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3,446,603,784	5,652,891,785
31	11. Thu nhập khác		750,000,000	63,000,000
32	12. Chi phí khác		755,700,061	94,815,788
40	13. Lợi nhuận khác		(5,700,061)	(31,815,788)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3,440,903,723	5,621,075,997
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	488,208,902	530,019,742
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2,952,694,821</u>	<u>5,091,056,255</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	930	1,697

Nguyễn Thị Lý  
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		103,652,174,377	63,125,168,649
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(77,892,227,701)	(49,081,929,928)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6,004,518,358)	(5,442,411,212)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(597,168,544)	(627,976,394)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(540,809,500)	(38,266,688)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,589,806,266	2,088,615,135
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7,100,464,153)	(3,591,008,026)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>14,106,792,387</b>	<b>6,432,191,536</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4,399,529,372)	(4,736,922,900)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		700,000,000	66,150,000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		339,389,823	98,509,010
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3,360,139,549)</b>	<b>(4,572,263,890)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5,930,000,000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	6,133,847,555
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1,719,252,000)	(8,891,707,660)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,600,000,000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>610,748,000</b>	<b>(2,757,860,105)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>11,357,400,838</b>	<b>(897,932,459)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>5,565,807,904</b>	<b>6,463,740,363</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>16,923,208,742</b>	<b>5,565,807,904</b>

Nguyễn Thị Lý  
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn). Tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100779340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 09 năm 2005 (Giấy đăng ký kinh doanh số 0103009203 thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 11 năm 2010), hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, mua bán máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110 KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện và vật liệu cách điện.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



### **2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **2.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với thành phẩm máy biến thế giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bắt đầu từ năm 2010, Công ty thay đổi phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho đối với mặt hàng biến thế từ phương pháp bình quân gia quyền sang phương pháp thực tế đích danh làm giá trị hàng tồn kho của mặt hàng biến thế giảm 445.251.522 VND so với giá trị hàng tồn kho tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **2.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm

**2.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

**2.8 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.9 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.10 Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.13 Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.14 Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.15 Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	120,676,371	373,029,355
Tiền gửi ngân hàng	5,802,532,371	5,192,778,549
Các khoản tương đương tiền (*)	11,000,000,000	-
	<b><u>16,923,208,742</u></b>	<b><u>5,565,807,904</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng

<u>Ngân hàng</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thời hạn</u>
- Ngân hàng An Bình	14%/năm	23/1/2011	2,000,000,000	01 tháng
- Ngân hàng Công thương	12%/năm	1/1/2011	2,000,000,000	01 tháng
- Ngân hàng Eximbank	16%/năm	9/1/2011	5,000,000,000	01 tháng
- Ngân hàng Westernbank	14%/năm	28/2/2011	2,000,000,000	02 tháng
			<b><u>11,000,000,000</u></b>	

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	18,710,770	-
Kinh phí công đoàn	-	26,074,800
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu các Ngân hàng	75,888,889	-
	<b><u>94,599,659</u></b>	<b><u>26,074,800</u></b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16,999,579,092	13,476,275,775
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,574,253,994	2,070,551,568
Thành phẩm	4,491,745,182	4,004,075,170
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>27,065,578,268</u></b>	<b><u>19,550,902,513</u></b>

**6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	48,750,000	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,000,886,294	389,242,500
	<b><u>1,049,636,294</u></b>	<b><u>389,242,500</u></b>

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phân mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	16,274,000	16,274,000
Số dư cuối kỳ	<u>16,274,000</u>	<u>16,274,000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	16,274,000	16,274,000
Số dư cuối kỳ	<u>16,274,000</u>	<u>16,274,000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Đầu kỳ	-	-
Cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>3,961,312,500</b>	-
- Máy hồ quang xoay chiều, có biến thế và tụ	484,462,500	-
- Máy đột dập nhập khẩu	3,476,850,000	-
	<u><b>3,961,312,500</b></u>	<u>-</u>

(\*) Tài sản thuộc dự án cấp Nhà nước: sản xuất thử nghiệm loạt biến áp khô 3 pha có công suất đến 2.500 KVA và điện áp 22 KV.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	453,580,405	372,117,879
Số tăng trong kỳ	348,061,820	858,184,230
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	242,293,453	229,241,704
Giảm khác	194,440,000	547,480,000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u><b>364,908,772</b></u>	<u><b>453,580,405</b></u>

**Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	364,908,772	453,580,405
	<u><b>364,908,772</b></u>	<u><b>453,580,405</b></u>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5,707,000,005</b>	<b>7,426,252,005</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam <sup>(1)</sup>	5,670,000,000	5,670,000,000
- Ông Phí Hữu Tâm <sup>(2)</sup>	37,000,005	37,000,000
- Ông Nguyễn Kiến Thiết	-	1,500,000,000
- Ngân hàng Công thương Hoàn Kiếm	-	219,252,005
	<b><u>5,707,000,005</u></b>	<b><u>7,426,252,005</u></b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay**

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay, như sau:

- Hợp đồng vay vốn số 001/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 02/04/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:
  - + Tổng số tiền cho vay là 1.620.000.000 VND;
- Hợp đồng vay vốn số 003/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 12/05/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:
  - + Tổng số tiền cho vay là 4.050.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay đến 28/02/2011;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Hợp đồng vay ngày 31/12/2009, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 12 tháng (Đã hết hạn vay ngày 31/12/2010, tuy nhiên hai bên chưa ký hợp đồng bổ sung);
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	28,232,140	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	477,329,145	529,929,743
Thuế Thu nhập cá nhân	17,046,000	13,842,800
	<b><u>522,607,285</u></b>	<b><u>543,772,543</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả:	150,542,040	165,870,000
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	146,475,000	144,471,204
- Ông Phi Hữu Tâm	4,067,040	1,665,000
- Ông Nguyễn Kiến Thiết	-	19,733,796
	<b><u>150,542,040</u></b>	<b><u>165,870,000</u></b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	277,739,520	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	2,400,000,000
	<b><u>277,739,520</u></b>	<b><u>2,400,000,000</u></b>

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35,000,000,000	30,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>30,000,000,000</i>	<i>30,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>5,000,000,000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>35,000,000,000</i>	<i>30,000,000,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1,200,000,000	2,400,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>1,200,000,000</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	<i>2,400,000,000</i>

Theo nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 06/04/2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế dùng để phân phối		5,091,056,255
Trích Quỹ Đầu tư phát triển		1,000,000,000
Trích Quỹ phúc lợi		91,056,255
Trích Quỹ Công đoàn		300,000,000
Chi trả cổ tức (*)	12%	3,600,000,000

(\*) Trong đó có 2.400.000.000 VND đã tạm chia trong năm 2009 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/CTBT/NQ-HĐQT ngày 29/09/2009.

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,500,000	3,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,500,000	3,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3,500,000</i>	<i>3,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,500,000	3,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3,500,000</i>	<i>3,000,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

**16 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1,310,000,000	250,000,000
Chi sự nghiệp (*)	<i>(597,931,000)</i>	<i>(250,000,000)</i>
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>712,069,000</b>	<b>-</b>

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	89,252,541,835	77,971,387,876
Doanh thu cung cấp dịch vụ	735,623,400	760,483,267

**89,988,165,235**

**78,731,871,143**

## 18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng bán (*)	82,130,694,443	68,444,512,470
	<b>82,130,694,443</b>	<b>68,444,512,470</b>

(\*): Trong năm 2010, Công ty đang phân loại chi phí tiền lương vào các khoản mục chi phí theo tỷ lệ lương cơ bản mà không theo lương thực tế chi trả làm khoản mục giá vốn bị tăng lên 854.368.119 VND, và khoản mục chi phí quản lý và chi phí bán hàng giảm đi một khoản tương ứng là 584.465.121 VND và 269.902.998 VND.

## 19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	339,389,823	98,509,010
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25,675,100	-
	<b>365,064,923</b>	<b>98,509,010</b>

## 20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	581,840,584	767,092,598
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	18,919,195
Chi phí tài chính khác	-	5,189,955
	<b>581,840,584</b>	<b>791,201,748</b>

## 21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân công	170,300,363	197,195,313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,699,091	30,931,524
Chi phí khác bằng tiền	44,974,454	218,866,859
	<b>216,973,908</b>	<b>446,993,696</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	38,469,451	48,201,165
Chi phí nhân công	1,852,762,824	1,735,801,626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150,382,048	148,376,666
Thuế, phí, lệ phí	266,763,449	-
Chi phí dự phòng	758,751,130	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55,734,220	108,885,691
Chi phí khác bằng tiền	854,254,317	1,453,515,306
	<b>3,977,117,439</b>	<b>3,494,780,454</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,440,903,723	5,621,075,997
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	110,400,000	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	110,400,000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	3,551,303,723	5,621,075,997
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	887,825,931	1,405,268,999
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(399,617,029)	(875,249,257)
- Giảm 50% thuế TNDN từ KD máy biến áp	(379,098,397)	(616,365,312)
- Giảm 50% thuế TNDN từ đầu tư chiều sâu TSCĐ	(20,518,632)	(31,732,627)
- Giảm 30% thuế TNDN theo TT 03/2009/TT-BTC	-	(227,151,318)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>488,208,902</b>	<b>530,019,742</b>

**Thuyết minh ưu đãi thuế của Công ty gồm:**

1. Theo hướng dẫn tại Công văn số 121165/CT/HTr ngày 01/09/2006 của Cục thuế TP Hà Nội, chi phí thuế TNDN của Công ty được xác định như sau

- Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian còn lại của các hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của hai Công ty được hợp nhất.

- Tuy nhiên, Công ty chưa thể tách riêng được doanh thu, chi phí của sản phẩm máy biến áp được miễn thuế TNDN, nên thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động kinh doanh được miễn, giảm thuế TNDN được xác định:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động} \\ \text{sản xuất kinh doanh được miễn, giảm} \\ \text{thuế TNDN được xác định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập chịu} \\ \text{thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% doanh thu của hoạt động kinh} \\ \text{doanh được miễn, giảm thuế TNDN so} \\ \text{với tổng doanh thu} \end{array}$$

Miễn 02 năm đầu và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo thuế TNDN phải nộp đối với lợi nhuận thu được từ máy biến áp (kể từ năm 2005):

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Doanh thu máy biến áp	76,849,229,192	69,065,202,931
- Tổng doanh thu	89,988,165,235	78,731,871,143
- Tỷ lệ doanh thu máy biến áp / tổng doanh thu	85.40%	87.72%
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	3,032,787,178	4,930,922,494
<b>Thuế TNDN được giảm</b>	<b>379,098,397</b>	<b>616,365,312</b>

2. Được miễn thuế đối với lợi nhuận từ việc đầu tư chiều sâu Hệ thống làm thu lôi van TSCĐ: Miễn thuế TNDN năm đầu từ năm 2007; giảm 4 năm tiếp theo (kể từ năm 2007):

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới năm 2007	1,524,374,800	1,524,374,800
- Tổng giá trị TSCĐ tại ngày cuối kỳ	32,979,282,157	33,753,219,322
- Tỷ lệ TSCĐ đầu tư mới năm 2007 / Tổng TSCĐ	4.62%	4.52%
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	164,149,052	253,861,017
<b>Thuế TNDN được giảm</b>	<b>20,518,632</b>	<b>31,732,627</b>

## 24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2,952,694,821	5,091,056,255
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,952,694,821	5,091,056,255
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3,174,727	3,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>930</b>	<b>1,697</b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	-	4,050,000,000
<b>Trả nợ vay</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	-	6,833,899,000
<b>Trả lãi vay</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	518,805,000	652,399,910
<b>Thanh toán cổ tức</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1,620,000,000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:		5,670,000,000	5,670,000,000

	Mối quan hệ	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	5,670,000,000	5,670,000,000
<b>Lãi vay phải trả</b>			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	146,475,000	144,471,204

**27 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trong kỳ, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do sửa đổi chế độ kế toán:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>19,784,151,858</b>	<b>19,624,867,356</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	159,284,502	-
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>38,742,607,215</b>	<b>38,901,891,717</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	159,284,502

Nguyễn Thị Lý  
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>13,065,705,333</b>	<b>17,419,046,810</b>	<b>2,096,248,331</b>	<b>1,155,944,848</b>	<b>33,736,945,322</b>
Số tăng trong kỳ	-	112,440,000	-	232,170,236	344,610,236
- <i>Mua sắm mới</i>	-	<i>112,440,000</i>	-	<i>232,170,236</i>	<i>344,610,236</i>
Số giảm trong kỳ	-	(1,118,547,401)	-	-	(1,118,547,401)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>(1,118,547,401)</i>	-	-	<i>(1,118,547,401)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13,065,705,333</b>	<b>16,412,939,409</b>	<b>2,096,248,331</b>	<b>1,388,115,084</b>	<b>32,963,008,157</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5,577,332,260</b>	<b>6,442,310,795</b>	<b>819,596,051</b>	<b>935,873,055</b>	<b>13,775,112,161</b>
Số tăng trong kỳ	581,321,810	1,514,709,517	210,406,081	109,927,684	2,416,365,092
- <i>Trích khấu hao</i>	<i>581,321,810</i>	<i>1,514,709,517</i>	<i>210,406,081</i>	<i>109,927,684</i>	<i>2,416,365,092</i>
Số giảm trong kỳ	-	(362,847,340)	-	-	(362,847,340)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>(362,847,340)</i>	-	-	<i>(362,847,340)</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6,158,654,070</b>	<b>7,594,172,972</b>	<b>1,030,002,132</b>	<b>1,045,800,739</b>	<b>15,828,629,913</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Đầu kỳ</b>	<b>7,488,373,073</b>	<b>10,976,736,015</b>	<b>1,276,652,280</b>	<b>220,071,793</b>	<b>19,961,833,161</b>
<b>Cuối kỳ</b>	<b>6,907,051,263</b>	<b>8,818,766,437</b>	<b>1,066,246,199</b>	<b>342,314,345</b>	<b>17,134,378,244</b>

*Trong đó*

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng là 3.051.237.908 VND.